

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Chỉ số Đại diện

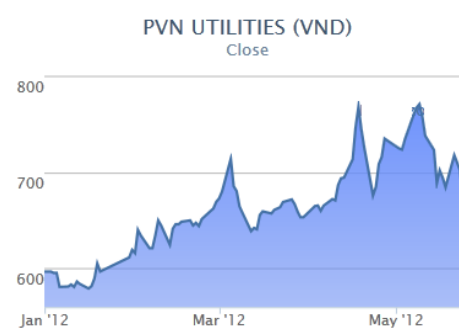


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	861.06	↓ -10.06	↓ -1.15
PVN All-Share Continuous	719.66	↓ -5.58	↓ -0.77
PVN All-Share	699.36	↓ -4.38	↓ -0.62
PVN All-Share HSX	737.92	↓ -1.31	↓ -0.18
PVN All-Share HNX	651.6	↓ -13.33	↓ -2
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1002.9	↓ -14.49	↓ -1.42
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	908.45	↑ 14.08	↑ 1.57
PVN Tài Chính	676.6	↓ -10.71	↓ -1.56
PVN Công Nghiệp	565.59	↑ 1.36	↑ 0.24
PVN Dầu Khí	672.71	↓ -1.4	↓ -0.21
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	701	↑ 1.52	↑ 0.22

Chỉ số Ngành



Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

www.psi.vn | research@psi.vn

Báo cáo của PSI có thể tìm thấy trên website của chúng tôi

Cấu trúc Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM.

Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu.

Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức).

Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
 - PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
 - PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp
 - PVN Dầu Khí
 - PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	435.50 ↓	-1.90	-0.43%
KLGD (triệu ck)	66.81 ↓	-11.01	-14.15%
GTGD (tỷ đồng)	951.31 ↓	-343.43	-26.52%
Tổng cung (triệu ck)	102.52 ↑	0.00	0.00%
Tổng cầu (triệu ck)	116.27 ↑	0.00	0.00%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.88 ↑	0.46	19.23%
KL bán (triệu ck)	1.61 ↓	-2.86	-64.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	64.24 ↓	-1.51	-2.30%
Giá trị bán (tỷ đồng)	48.94 ↓	-66.48	-57.60%

Kể từ 28/05, lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 4%/năm xuống 3%/năm, và với kỳ hạn trên 1 tháng từ 12%/năm xuống 11%/năm. Ngoài ra, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay thanh toán điện tử liên ngân hàng và lãi suất tái chiết khấu đều giảm 1%/năm. Cùng với việc hạ 1%/năm các lãi suất điều hành, trần lãi suất huy động VND về 11%/năm, sáng 28/5, Ngân hàng Nhà nước cũng đã hạ lãi suất OMO xuống còn 11%/năm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái và là mức tăng thấp nhất, mặc dù sản xuất công nghiệp nhìn chung đang biến chuyển theo hướng tháng sau cao hơn tháng trước. Lượng tồn kho của một số sản phẩm công nghiệp vẫn ở mức cao, hiện tăng 29,4% so với cùng kỳ. Cụ thể như xi măng, vôi vữa tăng hơn 52%; xe có động cơ tăng 56,5%; mô tô-xe máy tăng 42,3%; bia tăng 29%...

Được sự chấp thuận của UBCKNN, SGDCK TPHCM (HOSE) thông báo sẽ thực hiện triển khai thí điểm lệnh thị trường (MP) trong vòng 03 tháng kể từ ngày 02/07/2012.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

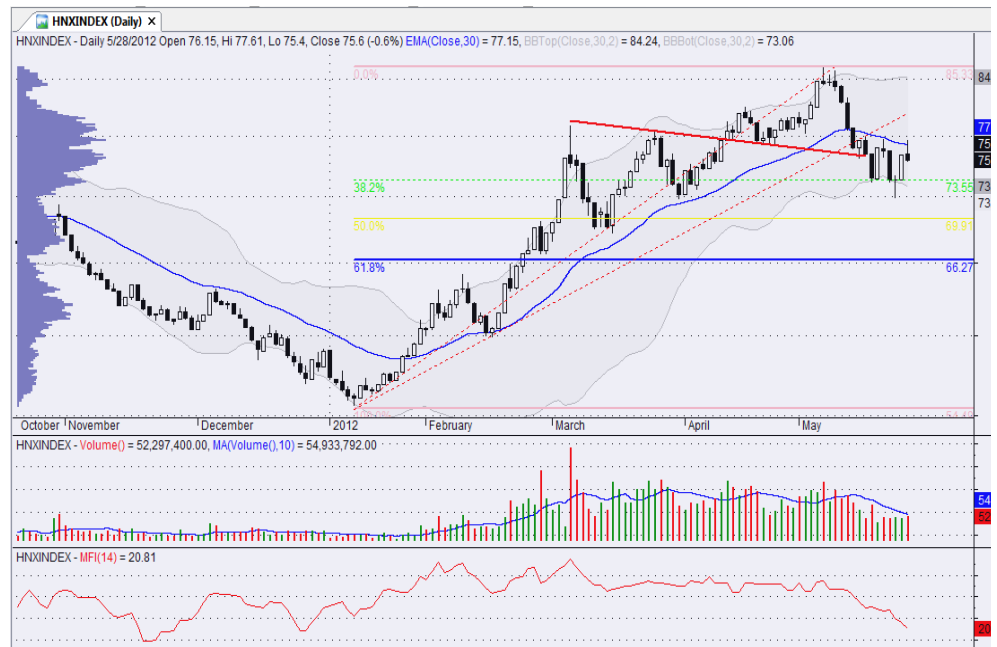
Diễn biến phiên giao dịch đầu tuần cho thấy thông tin về việc giảm các mức lãi suất điều hành thêm 1% có mức độ tác động tới thị trường không được như kì vọng trước đó. Mặc dù vậy, áp lực bán cho tới thời điểm này đã giảm đáng kể. Theo đó, VN-Index có khả năng dao động trong khoảng 411 – 455 điểm. Chiều hướng giảm dần trên HNX-Index có khả năng vẫn còn tiếp diễn trong ngắn hạn và chỉ số có các hỗ trợ mạnh tại 66 – 70 điểm.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	75.60 ↓	-0.50	-0.66%
KLGD (triệu ck)	54.72 ↑	2.56	4.91%
GTGD (tỷ đồng)	563.95 ↑	28.50	5.32%
Tổng cung (triệu ck)	86.32 ↑	33.76	64.24%
Tổng cầu (triệu ck)	70.15 ↓	-13.94	-16.58%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.75 ↑	0.13	21.31%
KL bán (triệu ck)	0.72 ↑	0.07	10.47%
Giá trị mua (tỷ đồng)	11.70 ↑	2.19	23.06%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.20 ↑	1.06	13.09%

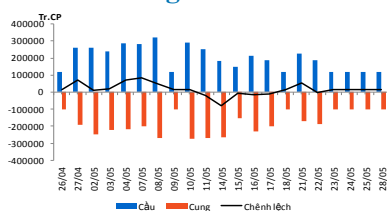
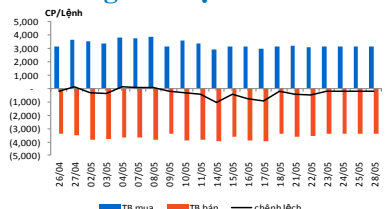
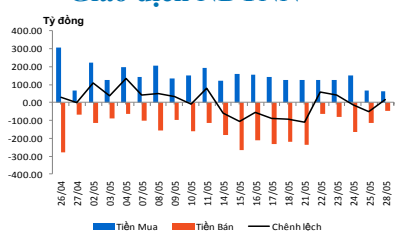
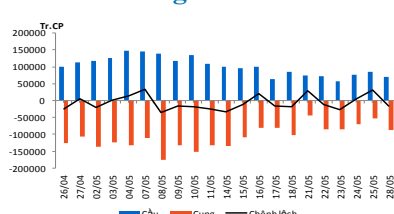
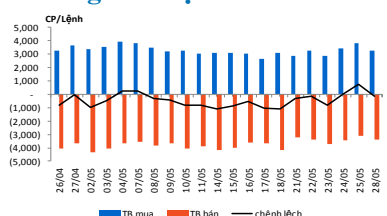
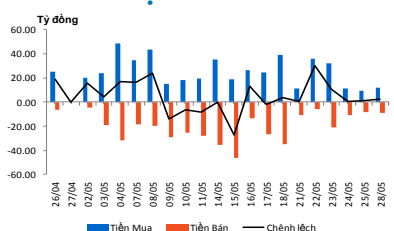


Đồ thị HNX-Index.

Như chúng tôi đã phân tích trước đó, phiên giao dịch đầu tuần đã cho thấy những dấu hiệu tiếp diễn của xu thế giảm:

- HNX-index chạm tới kháng cự 77 điểm đã xuất hiện áp lực bán và thoái lui.
- Trạng thái phục hồi ngắn hạn chỉ mang tính chất bull trap. Bên cạnh đó, KLGD tăng trong phiên giảm, và KLGD giảm khi thị trường tăng là đặc điểm đặc trưng cho một thị trường giá giảm (bearish).
- Các công cụ thể hiện dòng tiền (MFI) tiếp tục đi xuống.

Diễn biến phiên đầu tuần cho thấy thông tin giảm lãi suất trên thực tế đã không tác động nhiều tới thị trường như giới đầu tư kỳ vọng trước đó. Ngược lại, áp lực bán lại sớm tăng trở lại khi thị trường phục hồi. Về mặt kỹ thuật, HNX-Index vẫn đang trong xu thế giảm và hiện chưa tiếp cận được các ngưỡng hỗ trợ mạnh, chưa có các tín hiệu đảo chiều phục hồi vững chắc. Theo đó, chỉ số có khả năng tiếp tục dao động theo chiều hướng giảm dần.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Tiếp tục đà hưng phấn cuối tuần trước, cộng thêm việc hạ lãi suất trần của NHNN khiến thị trường bật mạnh ngay những phút đầu tiên của tuần mới. Thị trường được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa với mức tăng 2.75% sau 15 phút mở cửa. Tạm thời vượt qua được giai đoạn giảm điểm thị trường bật trở lại từ sau 10h00. VN-Index và HNX-Index có lúc vượt qua ngưỡng 440 điểm tuy nhiên sự rung lắc và thận trọng vẫn còn khiến các chỉ số tiếp tục dao động, thanh khoản vẫn chưa cải thiện.

Đợt khớp lệnh cuối, bên bán lại đẩy mạnh các lệnh ATC ở các mã chủ chốt khiến thị trường đảo chiều. VN-Index đột ngột rớt 1.9 điểm, tương đương 0.43% chốt phiên tại 435.48 điểm. Trong khi đó, VN30 vẫn tăng nhẹ 0.95 điểm, tức 0.18% đạt 515.22 điểm do hơn 1/2 số mã trong rổ tăng giá hoặc trụ vững ở mốc tham chiếu. Trên sàn tổng cộng có 36 mã giảm kịch sàn, 51 mã kịch trần, 59 mã giảm giá và 106 mã tăng giá. Tuy nhiên, thanh khoản vẫn khá thấp với tổng cộng 66.8 triệu đơn vị, nhưng giá trị chiếm tới 947 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

HNX-Index có lúc bật mạnh hơn 2% với số lượng hơn 100 mã cổ phiếu tăng giá chủ yếu là nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn của sàn này. Lúc 9h15, HNX-Index tăng 1.41 điểm, tức 1.85% đạt 77.47 điểm. Giao dịch tăng trưởng khá với gần 6.5 triệu đơn vị, tương đương 63 tỷ đồng. Cổ phiếu ngân hàng gồm 2 mã SHB và HBB tăng khá mạnh và giữ vai trò dẫn dắt thị trường. Tuy nhiên ít phút sau đó thị trường có dấu hiệu rung lắc khiến các chỉ số thu hẹp đáng kể.

Sự yếu ớt của lực cầu vào cuối phiên cũng làm HNX-Index mất 0.46 điểm trong 15 phút cuối, tương đương 0.6%, đóng cửa tại 75.6 điểm. Thống kê được 36 mã giảm sàn, 102 mã giảm giá và 25 mã tăng trần cùng 83 mã tăng giá. Trong phiên, các cổ phiếu đầu cơ tiếp tục nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư và liên tục tăng trần như DXG, NVT, VTO, VIG... Nhiều mã thuộc nhóm ngành xây dựng, bất động sản, chứng khoán tăng giá. Ở chiều ngược lại, nhiều mã khoáng sản đã giảm sàn. Trên HNX có 54.7 triệu đơn vị được giao dịch nhưng giá trị chỉ chiếm 564 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 27 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 12 cổ phiếu tăng giá, 5 cổ phiếu đứng giá và 10 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PFL (tăng 3,64%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PVI (giảm 5,50%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,01% và tổng khối lượng giao dịch đạt 13,192 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 28/05:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,000.0	300	↓ -3.85	0.44	13.51	HNX
2	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,700.0	305,700	↑ 3.64	0.33	0.56	HNX
3	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	24,000.0	694,200	↓ -0.41	1.97	1.60	HNX
4	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,300.0	150,400	→ 0.00	1.14	7.78	HNX
5	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	-	→ 0.00	0.50	3.04	HNX
6	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,600.0	183,300	→ 0.00	0.55	N/A	HNX
7	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	17,500.0	130,868	↓ -0.57	1.04	2.62	HNX
8	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	12,600.0	64,900	↓ -2.33	2.21	5.75	HNX
9	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,700.0	271,200	↓ -0.72	0.88	9.86	HNX
10	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,900.0	445,500	↓ -5.50	0.81	9.55	HNX
11	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	7,000.0	6,300	↑ 1.45	0.67	3.29	HNX
12	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	16,700.0	1,996,560	→ 0.00	1.41	4.47	HNX
13	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,000.0	3,561,221	↓ -0.99	0.44	3.76	HNX
14	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,600.0	457,400	↓ -3.59	3.03	12.05	HSX
15	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,600.0	556,370	↓ -1.42	2.07	5.59	HSX
16	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	28,300.0	43,620	↑ 0.71	1.30	3.44	HSX
17	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,300.0	67,330	↓ -4.60	0.71	6.06	HSX
18	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,900.0	224,970	↑ 1.57	0.74	3.18	HSX
19	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000.0	15,030	↑ 0.29	1.71	4.94	HSX
20	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6,100.0	790,900	↑ 3.39	0.60	4.73	HSX
21	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	37,600.0	173,990	↑ 0.27	1.27	7.39	HSX
22	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,200.0	1,490,790	→ 0.00	1.16	16.71	HSX
23	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	6,100.0	1,143,720	↑ 3.39	0.62	55.45	HSX
24	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,700.0	125,440	↑ 1.32	0.74	5.13	HSX
25	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,900.0	136,840	↑ 2.99	0.62	3.59	HSX
26	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,800.0	117,630	↑ 1.72	0.89	3.54	HSX
27	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,900.0	38,300	↑ 2.99	0.63	4.54	HSX
28	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
29	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
30	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
31	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	21,500	22,100	2.79	69,547,252
ASM	15,900	16,600	4.40	36,849,323
DRC	25,900	27,100	4.63	34,931,226
ITA	7,700	7,900	2.60	30,408,674
LCG	10,800	11,200	3.70	27,607,265

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SCR	14,900	14,700	-1.34	62,279
VND	12,300	11,900	-3.25	52,221
PVX	10,100	10,000	-0.99	36,397
PVS	16,700	16,700	0.00	33,902
SHB	9,700	10,000	3.09	26,716

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CAD	700	800	100	14.29
EVE	22,000	23,100	1,100	5.00
VCF	120,000	126,000	6,000	5.00
PDN	20,000	21,000	1,000	5.00
HSG	18,100	19,000	900	4.97

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
BED	10,000	10,700	700	7.00
QTC	21,500	23,000	1,500	6.98
DHT	30,700	32,800	2,100	6.84
CKV	8,800	9,400	600	6.82
VIE	5,900	6,300	400	6.78

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,900	1,800	-100	-5.26
KTB	10,000	9,500	-500	-5.00
TMP	12,100	11,500	-600	-4.96
GDT	18,200	17,300	-900	-4.95
BMP	43,000	40,900	-2,100	-4.88

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HST	4,300	4,000	-300	-6.98
POT	12,900	12,000	-900	-6.98
CVN	17,300	16,100	-1,200	-6.94
DLR	16,000	14,900	-1,100	-6.88
CMI	11,700	10,900	-800	-6.84

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
MBB	10,599	DRC	16,432
DHG	6,100	VIC	7,197
GAS	5,824	DHG	6,100
PVD	3,503	BVH	4,716
BVH	3,229	HSG	3,800

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	6,949	VND	2,869
VND	1,907	VNR	2,092
PVS	684	AAA	1,028
BCC	317	SDT	635
DL1	237	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339